

PHÒNG GD & ĐT TP HẠ LONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 09/ QĐ-TH

Hạ Long, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

***V/v Công bố công khai dự toán Ngân sách năm 2022
của Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt ”***

HIỆU TRƯỞNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Quyết định số 14075/QĐ – UBND ngày 31/12/2021 của UBND TP Hạ Long “V/v giao dự toán NSNN năm 2022”.

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-PGD&ĐT ngày 31/12/2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hạ Long “V/v giao dự toán NSNN năm 2022”.

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ về việc công khai dự toán theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt thành phố Hạ Long (theo biểu mẫu số 02 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Các ông, bà: Kế toán, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận

- Đăng công TTĐT nhà trường;
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG



Mai Thị Mận

Đơn vị: Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 09/QĐ-TH ngày 20/ 01 /2022 của Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.103,00
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng:	12.748,00
	Trong đó: Lương và các khoản đóng góp	10.083
	Chi hoạt động theo định mức	2.665,00
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	355

	Trong đó: Chế độ học sinh	52
	Chi chế độ cho GV dạy hs khuyết tật theo ND 28/2012/NĐ-CP	303
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	

10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Ngày 20 tháng 01 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Mai Thị Mận

Số: 288 /QĐ- PGDĐT

Hạ Long, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Quyết định số 5351/QĐ-UBND ngày 22/06/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 12228/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 14075/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long Về việc giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2022;

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hạ Long,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo theo phụ biểu kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2021 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Các trường xây dựng phương án tự chủ theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, theo chỉ đạo tại Công văn số 7904/UBND-TCKH ngày 30/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố. Việc điều chỉnh phần kinh phí ngân sách nhà nước cấp sẽ được điều chỉnh theo phân loại đơn vị dự toán được phê duyệt (nếu có)

- Đối với dự toán của các trường học trong lộ trình thực hiện mô hình xã hội hóa gồm trường Mầm non Hoa Lan, Mầm non Hoa Hồng, Tiểu học Quang Trung, THCS Trọng Điểm chỉ phân khai kinh phí cho các trường đến hết năm học 2021-

2022, các trường khẩn trương triển khai thực hiện xây dựng phương án theo đúng chủ trương chỉ đạo tại Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 25/3/2015 của Thành ủy Hạ Long.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính KH TP Hạ Long
- KBNN Quảng Ninh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.



DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Phòng GD&ĐT Thành phố Hạ Long)

Đơn vị: Triệu đồng/.

TT	Tên trường	Trong đó	CHI THƯỜNG XUYÊN GIAO TỰ CHỦ										CHI THƯỜNG XUYÊN KHÔNG GIAO TỰ CHỦ					Trong đó											
			Quỹ lương					Kinh phí hoạt động theo định mức					Hỗ trợ cơ sở lẻ		Hỗ trợ đường truyền phòng học thông minh	Hỗ trợ tiền điện phòng học thông minh, điện SH bán trú	Tổng số			Trong đó: Dự toán đơn vị được chi TC	Chế độ học sinh	Các khoản đặc thù của giáo viên và các đối tượng khác	Tổng cộng (Lâm tròn)	Dự toán phân bổ năm 2022					
			Lương người có mặt	Lương biên chế thiếu	Tăng lương	Tăng thâm niên	Số tiền	Số học sinh tiểu học HT 400.000 đ/hs/năm	Định mức	Số tiền	Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên	Đơn vị được chi	Số cơ sở lẻ	Số tiền															
Biên chế có mặt 31/12/2021			Biên chế được giao theo QĐ số 12181/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND thành phố																										
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																													
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z	AA			
Tổng cộng			3,339	3,304	35	3,442	3,435	7	358,545	7,083	4,920	1,091	371,638	33,113	84,624	8,462	76,161	76	3,800	732	1,933	462,727	454,264	20,570	8,918	29,488	492,215	483,752	8,462
Trong đó:																													
Khối mầm non			991	988	3	1,003	1,003	-	96,930	793	1,401	238	99,363		21,184	2,118	19,066	47	2,350				120,778	7,037	1,065	8,102	130,999	128,880	2,118
Khối Tiểu học			1,340	1,336	4	1,388	1,388	-	148,037	3,514	1,799	482	153,833	33,113	41,972	4,197	37,775	26	1,300	364	784		194,055	3,136	4,743	7,879	206,132	201,934	4,197
Khối THCS			1,008	980	28	1,051	1,044	7	113,578	2,776	1,719	370	118,443		21,468	2,147	19,321	3	150	368	1,149		139,431	10,397	3,110	13,507	155,085	152,938	2,147
I Khối mầm non																													
1	Mầm non Hồng Gai		25	25		25	25		2,346		15	5	2,367		20	500	50	450	1	50			2,867	156		156	3,073	3,023	50
2	Mầm non Hạ Long		76	74	2	76	76		6,931		107	10	7,047		20	1,520	152	1,368					8,415	703	15	718	9,285	9,133	152
3	Mầm non Bạch Đằng		29	29		29	29		3,034		29	8	3,071		20	580	58	522	1	50			3,643	240		240	3,941	3,883	58
4	Mầm non Cao Thắng		36	36		36	36		3,893		49	8	3,951		20	720	72	648					4,599	350		350	5,021	4,949	72
5	Mầm non Hồng Hải		34	34		35	35		3,112	60	44	5	3,220		20	700	70	630	1	50			3,900	203		203	4,173	4,103	70
6	Mầm non Hoa Lan		23	23		24	24		1,420	60	19	2	1,500		20	320	32	288					1,788	201		201	2,020	1,988	32
7	Mầm non 01-06		26	26		26	26		2,716		23	8	2,746		20	520	52	468					3,214	188		188	3,454	3,402	52
8	Mầm non Hoa Hồng		45	45		45	45		3,265		43	6	3,313		20	600	60	540	1	50			3,903	326		326	4,290	4,230	60
9	Mầm non Hà Lâm		28	28		28	28		2,853		16	6	2,874		20	560	56	504	1	50			3,428	213		213	3,696	3,640	56
10	Mầm non Cao Xanh		37	36	1	37	37		3,558		46	8	3,612		20	740	74	666	1	50			4,328	266		266	4,668	4,594	74
11	Mầm non Hà Tu		37	37		37	37		3,926		21	8	3,955		20	740	74	666	1	50			4,671	290		290	5,036	4,962	74
12	Mầm non Bãi cháy		27	27		28	28		2,472	60	58	7	2,597		20	560	56	504	1	50			3,151	172		172	3,378	3,322	56
13	Mầm non Hùng Thắng		31	31		31	31		3,281		57	8	3,346		20	620	62	558					3,904	208		208	4,174	4,112	62
14	Mầm non Đại yên		27	27	-	27	27	-	2,495		30	5	2,530		20	540	54	486	1	50			3,066	111	31	142	3,262	3,208	54
15	Mầm non Tuấn Châu		16	16		18	18		1,562	119	19	4	1,703		20	360	36	324					2,027	54	18	71	2,134	2,098	36
16	Mầm non Giếng Đáy		24	24	-	24	24		2,516		7	7	2,530		20	480	48	432	1	50			3,012	179		179	3,239	3,191	48
17	Mầm non Hà Khẩu		29	29		29	29		2,668		33	9	2,710		20	580	58	522					3,232	192		192	3,481	3,423	58
18	Mầm non Việt Hưng		27	27		27	27		2,818		48	10	2,876		20	540	54	486	1	50			3,412	82		82	3,548	3,494	54
19	Mầm non Hà Phong		32	32		32	32		3,147		50	8	3,206		20	640	64	576	2	100			3,882	134	27	160	4,107	4,043	64
20	Mầm non Hoa Đào		23	23		23	23		2,201		41	6	2,248		20	460	46	414	1	50			2,712	52		52	2,810	2,764	46
21	Mầm non Hà Trung		24	24	-	25	25		2,402	60	32	5	2,499		20	500	50	450					2,949	79		79	3,078	3,028	50
22	Mầm non Trời		47	47		47	47		4,751		91	15	4,857		20	940	94	846	1	50			5,753	409	31	440	6,287	6,193	94
23	Mầm non Thống Nhất		44	44		44	44		4,059		97	8	4,165		24	1,056	106	950	3	150			5,265	175	39	215	5,586	5,480	106
24	Mầm non Lê Lợi		33	33		33	33		3,151		63	10	3,224		24	792	79	713	2	100			4,037	112	56	168	4,284	4,205	79
25	Mầm non Sơn Dương		33	33		33	33		3,379		47	10	3,435		24	792	79	713	5	250			4,398	119	23	142	4,619	4,540	79
26	Mầm non Dân chủ		12	12		12	12		1,238		14	4	1,255		24	288	29	259					1,514	26		26	1,569	1,540	29
27	Mầm non Bằng cá		18	18		18	18		1,888		34	5	1,927		24	432	43	389	2	100			2,416	20		20	2,480	2,436	43
28	Mầm non Quảng La		22	22		22	22		2,237		33	6	2,275		24	528	53	475	2	100			2,851	39	13	52	2,955	2,902	53
29	Mầm non Tân dân		25	25		25	25		2,655		68	8	2,731		28	700	70	630	3	150			3,511	330	132	462	4,043	3,973	70
30	Mầm non Hòa Bình		13	13		14	14		1,435	72	23	4	1,534		24	336	34	302	1	50			1,887	164	97	261	2,181	2,148	34
31	Mầm non Vũ Oai		16	16		16	16		1,703		49	5	1,757		24	384	38	346	1	50			2,152	19		19	2,209	2,171	38
32	Mầm non Đồng Lâm		31	31	-	32	32	-	3,285	72	38	10	3,405		28	896	90	806	6	300			4,511	487	242	729	5,330	5,240	90
33	Mầm non Đồng Sơn		28	28		31	31		3,137	217	43	10	3,407		28	868	87	781	5	250			4,438	492	272	764	5,289	5,202	87
34	Mầm non Kỳ Thượng		13	13		14	14		1,396	74	16	3	1,488		28	392	39	353	2	100			1,941	248	70	318	2,298	2,259	39
II Khối Tiểu học																													
TH Hà Long																													

TT	Tên Trường	Biên chế cơ sở 31/12/2021			Biên chế được giao theo QĐ số 12181/QĐ- UBND ngày 17/12/2021 của UBND thành phố			CHI THƯỜNG XUYÊN GIÁO TỰ CHỦ																CHI THƯỜNG XUYÊN KHÔNG GIÁO TỰ CHỦ					Trong đó																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
		Trong đó		Tổng số	Trong đó		Lương người có mặt	Quỹ lương				Kinh phí hoạt động theo định mức				Hỗ trợ cơ sở là			Hỗ trợ đường truyền học thông minh	Hỗ trợ tiền điện phòng học thông minh, điện SH bán trú	Tổng số	Trong đó: Dự toán đơn vị được chi TC	Chế độ học sinh	Các khoản đặc thù của giáo viên và các đối tượng khác	Tổng cộng (Lâm tròn)	Dự toán phần bổ năm 2022	Dự toán đơn vị được chi 2022	Chỉ tiêu 10% tiết kiệm chi thường xuyên																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
		BC	HD thành phố		BC	HD		Lương biên chế thiếu	Tăng lương	Tăng thâm niên	Số tiền	Số học sinh tiểu học HT 400.000 đ/ha/năm	Định mức	Số tiền	Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên	Đơn vị được chi	Số cơ sở là	Số tiền																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	